

## MỤC LỤC

### KINH TẾ VÀ QUẢN LÝ

---

1. **Đình Văn Sơn và Trần Thị Phương Thảo** - Ảnh hưởng của cơ cấu vốn đến hiệu quả kinh doanh của các công ty cổ phần niêm yết trên thị trường chứng khoán Việt Nam. **Mã số: 114.1FiBa.11** 2  
*Impacts of Capital Structure on Business Performance of Joint-stock Companies Listed in Vietnam Securities Market*
2. **Vũ Đức Thanh và Hoàng Khắc Lịch** - Mối quan hệ giữa chi tiêu công và tăng trưởng kinh tế ở các nước đang phát triển. **Mã số: 114.1DEco.11** 15  
*The Relationship between Public Expenditure and Economic Growth in Developing Countries*
3. **Nguyễn Bình Dương** - Hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Nhật Bản và giải pháp cho hàng xuất khẩu của Việt Nam. **Mã số: 114.1IBMg.12** 24  
*Technical Barriers in Japanese Commerce and Solution for Export of Vietnam*
4. **Mai Thanh Lan và Tạ Huy Hùng** - Xây dựng khung năng lực với lãnh đạo khu vực hành chính công cấp sở tại Tỉnh Hòa Bình. **Mã số: 114.1OMIs.11** 33  
*Building Capacity Framework for Leaders of the Public Administrations in Hoa Binh province*

### QUẢN TRI KINH DOANH

---

5. **Vũ Thị Hồng Nhung** - Ảnh hưởng của đặc điểm doanh nghiệp và nhà quản lý đến mạng lưới quan hệ ở các doanh nghiệp nhỏ và vừa tại Việt Nam. **Mã số: 114.2BAdm.21** 42  
*The Impact of Enterprise and Management Characteristics on the Networks of Small and Medium Enterprises in Vietnam*
6. **Nguyễn Phúc Nguyên và Nguyễn Hiệp và Nguyễn Thị Thúy Hằng** - Phẩm chất cá nhân lãnh đạo, mối quan hệ của nó với văn hóa tổ chức và kết quả hoạt động doanh nghiệp: nghiên cứu khám phá định tính. **Mã số: 114.2OMIs.22** 55  
*Individual Qualities of Leaders and Their Relationships with Organizational Culture and Business Performance: An Exploratory Study*

### Ý KIẾN TRAO ĐỔI

---

7. **Huỳnh Thị Thu Sương** - Tác động của thực tiễn quản trị nguồn nhân lực đến sự gắn kết của giáo viên cơ hữu với các trường trung học phổ thông ngoài công lập, kiểm chứng tại Thành phố Hồ Chí Minh. **Mã số: 114.3HRMg.31** 64  
*The Impact of Human Resource Management Practices on the Commitment of Longterm-Contract Teachers to Non-public Highschools, the Verification in Ho Chi Minh City*

# HÀNG RÀO KỸ THUẬT TRONG THƯƠNG MẠI CỦA NHẬT BẢN VÀ GIẢI PHÁP CHO HÀNG XUẤT KHẨU CỦA VIỆT NAM

**Nguyễn Bình Dương**

Trường Đại học Ngoại Thương

Email: [nguyenbinhduong.ftu@gmail.com](mailto:nguyenbinhduong.ftu@gmail.com)

**Ngày nhận:** 13/09/2017

**Ngày nhận lại:** 03/11/2017

**Ngày duyệt đăng:** 15/11/2017

*R*ể từ khi Việt Nam và Nhật Bản thiết lập quan hệ ngoại giao, Nhật Bản đã trở thành một trong những đối tác thương mại hàng đầu của Việt Nam. Trong bối cảnh hội nhập và tự do hóa thương mại, hàng rào thuế quan ngày càng được cắt giảm theo lộ trình. Thay vào đó, các hàng rào kỹ thuật (TBT) ngày càng phong phú và được nhiều nước phát triển áp dụng, trong đó có Nhật Bản. Bài viết này nhằm nghiên cứu hệ thống các hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Nhật Bản, phân tích khả năng đáp ứng của Việt Nam với các hàng rào kỹ thuật đó và đề xuất một số giải pháp để Việt Nam vượt qua những thách thức, tăng cường khả năng thâm nhập vào thị trường Nhật Bản.

**Từ khóa:** Hàng rào, kỹ thuật, Nhật Bản, thương mại, Việt Nam

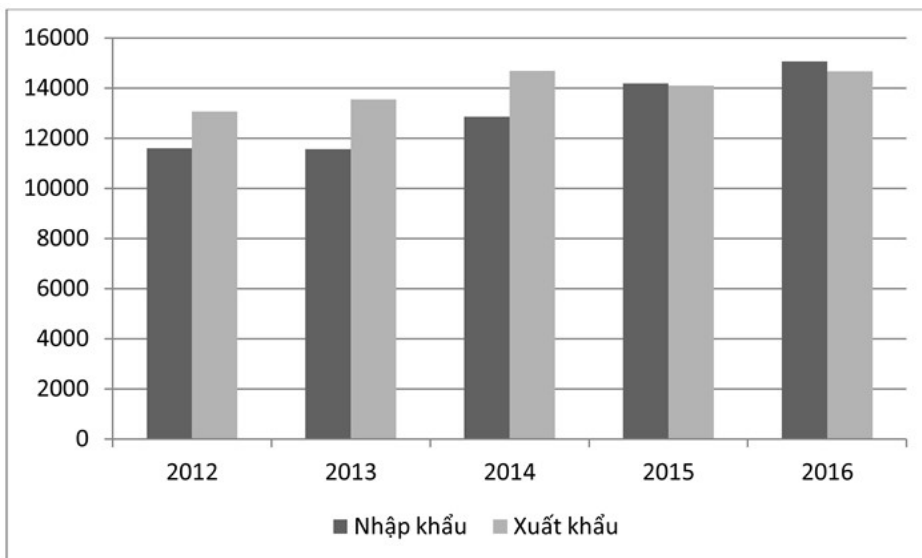
## 1. Tổng quan về thương mại Việt Nam - Nhật Bản

Sau hơn 40 năm thiết lập quan hệ ngoại giao, Nhật Bản đã giữ một vị trí quan trọng hàng đầu trong quan hệ thương mại với Việt Nam. Ngoài việc là đối tác kinh tế chiến lược, Nhật Bản là nước G7 đầu tiên công nhận quy chế kinh tế thị trường của Việt Nam vào năm 2011. Nhật Bản hiện là bạn hàng lớn thứ 2 của Việt Nam sau Trung Quốc và là thị trường xuất khẩu đứng thứ 2 sau Mỹ. Hình 1 cho thấy, trong vòng 5 năm trở lại đây, thương mại Việt Nam - Nhật Bản luôn ở mức tăng trưởng cao, trung bình 14%/năm. Trong giai đoạn từ 2012-2014, cán cân thương mại Việt Nam - Nhật Bản luôn ở trong trạng thái thặng dư, cụ thể năm 2013 thặng dư 2,02 tỷ USD, và năm 2014 thặng dư 1,77 tỷ USD. Tuy vậy, nhưng kể từ năm 2015, xuất khẩu của Việt Nam bắt đầu suy giảm, cán cân thương mại song phương rơi vào trạng thái thâm hụt. Trong 4 tháng đầu năm 2016, tổng kim ngạch xuất

nhập khẩu giữa Việt Nam và Nhật Bản đạt 8,7 tỷ USD, giảm 6% so với cùng kỳ năm 2015, chiếm 8,3% trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của cả nước (Hình 1).

Tuy xuất khẩu có sự suy giảm, Nhật Bản vẫn là thị trường lớn thứ 2 của Việt Nam sau Mỹ. Bảng 1 cho thấy, về cơ cấu xuất khẩu năm 2016, dệt may là mặt hàng chủ lực xuất khẩu sang Nhật Bản, chiếm 19,7% tổng xuất khẩu Việt Nam sang Nhật Bản, thứ hai là phương tiện vận tải và phụ tùng (13%), kế đến là máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng (11%); thủy sản (7%), gỗ và các sản phẩm từ gỗ (7%).

Năm 2016, dệt may là mặt hàng chủ lực xuất khẩu sang Nhật Bản, chiếm 19,7% tổng kim ngạch, đạt 2,9 tỷ USD. Đứng thứ hai là phương tiện vận tải và phụ tùng, tương ứng với 1,9 tỷ USD chiếm 13%, kế đến là máy móc thiết bị dụng cụ phụ tùng đạt 1,6 tỷ USD chiếm 11% và thứ tư là



Nguồn: Tổng cục thống kê

**Hình 1:** Kim ngạch thương mại Việt Nam - Nhật Bản

mặt hàng thủy sản, đạt trên 1 tỷ USD chiếm 7%, tiếp theo là gỗ và các sản phẩm đạt xấp xỉ 900 triệu USD chiếm 6,1%.

**Bảng 1:** Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam sang Nhật Bản, 2016

	Kim ngạch (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
Dệt may	2890.3	19.7
Phương tiện vận tải và phụ tùng	1907.3	13.0
Máy móc, thiết bị, dụng cụ, phụ tùng	1613.9	11.0
Thủy sản	1027.0	7.0
Gỗ và sản phẩm	899.4	6.1

Nguồn: Tổng cục Hải quan

Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Nhật Bản năm 2016 đạt 15 tỷ USD, các mặt hàng nhập khẩu chính bao gồm máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện ( 2,8 tỷ USD); linh kiện, phụ tùng ô tô (788 triệu USD); sản phẩm từ chất dẻo (660 triệu USD); vải các loại (637 triệu USD).

**thương mại của Nhật Bản**

Theo WTO, hàng rào kỹ thuật trong thương mại hay còn gọi là các “biện pháp kỹ thuật-thương mại” (technical barriers to trade - TBT) là các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật mà một nước áp dụng đối với hàng hóa nhập khẩu và/hoặc quy trình nhằm đánh giá sự phù hợp của hàng hóa nhập khẩu đối với các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật đó.

Các hàng rào kỹ thuật thể hiện những mục tiêu khác nhau và cũng phản ánh những đặc trưng khác nhau của mỗi nước. Vì vậy, cho đến nay các nước thành viên WTO chưa thể thống nhất một bộ các hàng rào kỹ thuật chung cho bất

Trong tương lai, với ưu thế là một trong những nền kinh tế hàng đầu thế giới, có vị trí địa lý gần Việt Nam, cơ cấu kinh tế phù hợp cho hợp tác kinh tế, trao đổi hàng hóa, có tiềm năng lớn về kỹ thuật và vốn, Nhật Bản sẽ tiếp tục giữ vị trí quan trọng hàng đầu trong quan hệ thương mại với Việt Nam.

**2. Các hàng rào kỹ thuật trong**

kỳ loại hàng hóa nào. Hiện nay, các hàng rào kỹ thuật Nhật Bản áp dụng tuân thủ Hiệp định TBT của WTO. Hiệp định này không phải là tập hợp các hàng rào kỹ thuật áp dụng trực tiếp, bắt buộc chung ở tất cả các nước thành viên cho từng loại hàng hóa mà chỉ đưa ra các nguyên tắc chung mà các nước phải tuân thủ khi thông qua và thực thi các biện pháp kỹ thuật đối với hàng hóa. Tuy nhiên, Hiệp định TBT cũng nhấn mạnh yêu cầu “hài hòa hóa” các biện pháp kỹ thuật giữa các nước theo hướng: khuyến khích các nước thành viên tham gia vào quá trình hài hòa hoá các tiêu chuẩn và sử dụng các tiêu chuẩn đã được chấp thuận chung, làm cơ sở cho các biện pháp kỹ thuật nội địa của mình. Hiệp định cũng khuyến khích các nước nhập khẩu thừa nhận kết quả kiểm định sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật áp dụng tại nước xuất khẩu.

Là một trong những nền kinh tế hàng đầu trên thế giới, Nhật Bản xây dựng hệ thống các biện pháp kỹ thuật khá đầy đủ và chặt chẽ để bảo hộ cho nền kinh tế trong nước, bao gồm các biện pháp cơ bản như sau:

### 2.1. Tiêu chuẩn về chất lượng

Cũng như các nước khác, hàng Việt Nam khi xuất khẩu sang Nhật phải đáp ứng được các tiêu chuẩn về chất lượng, cụ thể như sau:

#### - Tiêu chuẩn công nghiệp JIS:

Tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản JIS là một trong những tiêu chuẩn được sử dụng rộng rãi ở Nhật. Tiêu chuẩn này dựa trên “Luật Tiêu chuẩn hóa công nghiệp” được ban hành vào năm 1949 và thường được biết dưới cái tên “dấu chứng nhận tiêu chuẩn công nghiệp Nhật Bản” hay JIS... Hệ thống tiêu chuẩn JIS áp dụng đối với tất cả các sản phẩm công nghiệp và khoáng sản, trừ những sản phẩm được áp dụng các tiêu chuẩn chuyên ngành như dược phẩm, phân hoá học, sợi tơ tằm và các sản phẩm nông nghiệp khác được quy định trong Luật Về tiêu chuẩn hóa và dán nhãn các công ty lâm sản. Dấu này lúc đầu được áp dụng để tạo ra một chuẩn mực cho các sản phẩm xuất khẩu khi Nhật bắt đầu bán sản phẩm ra nước ngoài. Cùng với sự phát triển của thương mại quốc

tế, việc thống nhất các tiêu chuẩn trên phạm vi quốc tế và áp dụng hệ thống chấp nhận chất lượng đối với hàng hóa xuất nhập khẩu ngày càng trở nên quan trọng. Vì vậy, năm 1980, Nhật đã sửa đổi Luật tiêu chuẩn hóa công nghiệp, theo đó các nhà sản xuất nước ngoài cũng có thể được cấp giấy chứng nhận JIS trên sản phẩm của họ. Các nhà sản xuất trong nước hay nước ngoài muốn được cấp dấu chứng nhận JIS phải làm hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận, trải qua quá trình giám định, chỉ những nhà sản xuất đủ điều kiện mới được cấp giấy chứng nhận. Việc sửa đổi Luật tiêu chuẩn hoá công nghiệp là kết quả của việc Nhật tham gia ký kết “Hiệp định về các hàng rào kỹ thuật đối với ngoại thương” của GATT. Theo Hiệp định này thì hệ thống chứng nhận chất lượng của các nước phải được áp dụng cho sản phẩm từ các nước thành viên khác của Hiệp định.

#### - Tiêu chuẩn nông nghiệp JAS:

Luật này quy định các tiêu chuẩn về chất lượng đối với các sản phẩm: đồ uống; thực phẩm chế biến; dầu ăn, mỡ; các nông lâm sản chế biến. Ngày nay hệ thống JAS đã trở thành cơ sở cho người tiêu dùng trong việc lựa chọn các sản phẩm thực phẩm. Còn đối với hệ thống tiêu chuẩn ghi nhãn chất lượng, các nhà sản xuất và phân phối phải dán nhãn phù hợp với tiêu chuẩn cho tất cả các loại thực phẩm: đối với những thực phẩm tươi phải có tên, nơi sản xuất; đối với thực phẩm đã qua chế biến phải có tên, thành phần, hạn sử dụng...

Đối với thực phẩm đạt chuẩn hữu cơ Nhật nói riêng và thực phẩm hữu cơ nói chung cần đạt những yêu cầu cơ bản liên quan đến: đất trồng, phân bón; hạt giống và cây trồng hữu cơ. Ngoài ra, việc kiểm soát động vật và thực vật gây hại phải sử dụng các biện pháp cơ học, vật lý, sinh học hoặc có thể kết hợp để phòng trừ mối nguy hại. Đối với các sản phẩm chăn nuôi: không được sử dụng các loại thức ăn có chất kích thích tăng trưởng, quy trình nuôi trồng, chăm sóc đều phải được thực hiện nghiêm ngặt theo quy định.

Hàng hóa xuất vào Nhật Bản phải đảm bảo yêu cầu thuộc tiêu chuẩn JAS, người tiêu dùng

Nhật Bản rất tin tưởng đối với chất lượng của các sản phẩm được đóng dấu này. Vì vậy, các nhà sản xuất nước ngoài khi xuất khẩu hàng hóa vào Nhật Bản có được dấu chứng nhận chất lượng JAS sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiêu thụ hàng hóa của mình tại thị trường Nhật Bản.

- Các dấu chứng nhận chất lượng khác:

Ngoài tiêu chuẩn JIS và JAS còn có nhiều loại dấu chất lượng khác được sử dụng ở Nhật. Theo hướng dẫn của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam, một số dấu chữ liên quan đến chất lượng và độ an toàn bao gồm:

Dấu **Q** (Chất lượng và độ đồng nhất của sản phẩm): Dùng cho các loại sản phẩm dệt bao gồm: quần áo trẻ con và các loại quần áo khác, khăn trải giường.

Dấu **G** (Thiết kế, dịch vụ, sau khi bán và chất lượng): Dùng cho các sản phẩm như máy ảnh, máy móc thiết bị, đồ thủy tinh, đồ gốm, đồ văn phòng, sản phẩm may mặc và nội thất.

Dấu **S** (Độ an toàn): Dùng cho nhiều chủng loại hàng hóa dành cho trẻ con, đồ dùng gia dụng, dụng cụ thể thao

Dấu **S.G**: (Độ an toàn bắt buộc): Xe tập đi, xe đẩy, nôi áp xuất, mũ đi xe đạp và mũ bóng chày và các hàng hóa khác.

Dấu Len: Dùng cho sợi len nguyên chất, quần áo len nguyên chất, đồ len đan, thảm, hàng dệt kim, có trên 99% len mới.

Dấu SIF (Các hàng may mặc có chất lượng tốt): Áp dụng cho hàng may mặc như quần áo nam, nữ, ô, áo khoác, balô và các sản phẩm phục vụ cho thể thao.

### **2.2. Tiêu chuẩn về môi trường**

Vấn đề môi trường đang được sự quan tâm của người tiêu dùng Nhật Bản. Cục môi trường của Nhật đang khuyến khích người tiêu dùng sử dụng các sản phẩm không làm hại sinh thái (kể cả các sản phẩm trong nước cũng như nhập khẩu), các sản phẩm này được đóng dấu "Ecomark".

Để được đóng dấu Ecomark, sản phẩm phải đạt được ít nhất một trong các tiêu chuẩn như: việc sử dụng sản phẩm đó không gây ô nhiễm tới môi trường hoặc có nhưng ít; việc sử dụng sản

phẩm đó mang lại nhiều lợi ích cho môi trường; chất thải sau khi sử dụng không gây hại cho môi trường hoặc gây hại rất ít; sản phẩm đóng góp đáng kể vào việc bảo vệ môi trường ngoài các cách kể trên.

Hiện nay, ngoài dấu tiêu chuẩn môi trường Ecomark, Nhật Bản cũng đang áp dụng hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001. Các doanh nghiệp nước ngoài muốn xuất khẩu hàng hóa vào thị trường Nhật Bản cần đạt được các yêu cầu theo tiêu chuẩn này. Doanh nghiệp cần xây dựng một hệ thống quản lý, đánh giá môi trường có thể đáp ứng được các yêu cầu: (i) Đo lường, đánh giá và cung cấp được các thông tin về hiện trạng môi trường của công ty; (ii) Xây dựng hệ thống tài liệu lưu trữ môi trường cập nhật và có thể trích xuất để báo cáo khi cần; (iii) Xác định các rủi ro và xây dựng các biện pháp khắc phục phòng ngừa; (iv) Cung cấp thông tin, đề xuất cải tiến với lãnh đạo

### **2.3. Tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm**

Luật An toàn vệ sinh thực phẩm (ATTP) quy định cho tất cả các thực phẩm và đồ uống ở Nhật Bản. Hàng sản xuất trong nước và hàng nhập khẩu đều phải đáp ứng những yêu cầu giống nhau theo luật và được chia thành nhiều nhóm: các gia vị thực phẩm, các máy móc dùng để sản xuất chế biến và bảo quản thực phẩm, các dụng cụ đựng và bao bì cho các gia vị cũng như cho thực phẩm, đồ chơi trẻ em và các chất tẩy rửa dùng cho việc làm sạch thực phẩm và đồ ăn. Các loại hàng này khi đưa vào sử dụng phải có giấy phép của Bộ Y tế và phúc lợi Nhật Bản. Như vậy, khi hàng Việt Nam xuất khẩu sang Nhật phải đáp ứng tiêu chuẩn này.

Để có thể kinh doanh thành công ở Nhật Bản, các nhà xuất khẩu cần phải hiểu đúng chế độ quản lý vệ sinh an toàn thực phẩm, được áp dụng cho cả hàng sản xuất nội địa và hàng nhập khẩu. Đặc biệt, từ năm 2006, Nhật Bản đã thực hiện Luật Vệ sinh an toàn thực phẩm mới được sửa đổi, trong đó thắt chặt quy định và bổ sung một số loại dư lượng hóa chất không được phép sử dụng, nâng mức hạn chế dư lượng hóa chất cho phép trong thực phẩm.

### 3. Khả năng đáp ứng của Việt Nam trước các hàng rào kỹ thuật trong thương mại của Nhật Bản

- Đối với các tiêu chuẩn về chất lượng:

Trong những năm qua, ngành tiêu chuẩn đo lường chất lượng đã xây dựng và phát triển được hơn 9.500 Tiêu chuẩn Quốc gia (TCVN), trong đó 47% số tiêu chuẩn được đánh giá là hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế. Tỷ lệ hài hòa TCVN với tiêu chuẩn quốc tế đã và đang góp phần đắc lực phục vụ việc cải tiến, đổi mới công nghệ, phát triển sản xuất và cung cấp các sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ có chất lượng, thúc đẩy thuận lợi hóa giao dịch thương mại của Việt Nam trên trường quốc tế. Hệ thống quản lý chất lượng theo các tiêu chuẩn quốc tế ISO 9000, ISO 22000, HACCP,... đã được chấp nhận thành tiêu chuẩn quốc gia, được phổ biến áp dụng thành công ở hàng nghìn doanh nghiệp và các đơn vị hành chính nhà nước để bảo đảm chất lượng làm cơ sở cho sự hội nhập, thừa nhận, công nhận lẫn nhau theo tập quán và thông lệ quốc tế.

Mặc dù trong vài năm gần đây, việc xây dựng các TCVN theo hướng tham khảo các tiêu chuẩn quốc tế đã được đẩy mạnh, tuy nhiên tốc độ xây dựng các TCVN vẫn còn thấp do kinh phí hạn hẹp, trong khi nhiều văn bản của các bộ, ngành chưa được sửa đổi, bổ sung. Trên thực tế cũng chưa có một cơ quan có thẩm quyền nào của Việt Nam tiến hành tuyên truyền, quảng bá tiêu chuẩn JIS, JAS cho các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực có liên quan hiểu và áp dụng mà chỉ có những doanh nghiệp thương mại đơn lẻ xuất khẩu sang Nhật Bản tự tìm cho mình giải pháp để làm sao xin được giấy chứng nhận JIS, JAS. Vấn đề thương hiệu cho sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam cũng chưa được quan tâm thỏa đáng. Sản phẩm mang nhãn hiệu Việt Nam chưa cạnh tranh được với hàng hóa nước ngoài nhất là khi tham gia thị trường quốc tế. Thực tiễn xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Nhật Bản những năm qua chất lượng còn chưa đều và thua kém nhiều nước trong khu vực. Chất lượng quảng cáo, thông tin trên bao bì cũng như kỹ

thuật đóng gói hàng còn đơn điệu, kém hấp dẫn và độ dài thời gian bảo hành sản phẩm còn chưa chuẩn xác như quảng cáo giới thiệu trên các bao bì hàng hóa.

- Đối với tiêu chuẩn môi trường:

Nhật Bản luôn là nước đi đầu trong bảo vệ môi trường và áp dụng ISO 14001. Cùng với việc gia tăng số lượng các tổ chức/doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài áp dụng ISO 14001, các tổ chức trong nước cũng đã nhận thức được tầm quan trọng trong công tác bảo vệ môi trường và cũng đã có những chiến lược trong việc áp dụng ISO 14001. Tại Việt Nam hiện nay, chứng chỉ ISO 14001 cũng đã được cấp cho khá nhiều tổ chức với các loại hình sản xuất kinh doanh và dịch vụ khá đa dạng. Theo khảo sát năm 2014 của tổ chức ISO, tính đến hết năm 2013, đã có trên 4200 tổ chức/doanh nghiệp tại Việt Nam được cấp chứng chỉ ISO 14001. Những ngành có nhiều doanh nghiệp được cấp chứng chỉ ISO 14001 ở Việt Nam là: thiết bị quang học, điện tử (15%), cao su và nhựa (13%), sản xuất kim loại và các sản phẩm kim loại cơ bản (12%), chế biến thực phẩm, đồ uống và thuốc lá (11%) và hóa chất (7%). Đây cũng chính là các ngành có nhiều tiềm năng gây ô nhiễm môi trường hoặc có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

Mặc dù hiện nay đã có nhiều doanh nghiệp và ngành nghề tham gia áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO 14001, tuy nhiên, số lượng doanh nghiệp áp dụng hệ thống tiêu chuẩn ISO 14001 chưa tương xứng với số lượng doanh nghiệp có tiềm năng áp dụng. Điều này là do nhận thức của lãnh đạo doanh nghiệp về bảo vệ môi trường còn hạn chế và còn mang tính hình thức, đối phó. Mặt khác, mục tiêu về quản lý môi trường tại doanh nghiệp chưa gắn liền với mục tiêu phát triển chung của doanh nghiệp do đó thiếu tính bền vững. Bên cạnh đó, nhiều cơ chế chính sách hỗ trợ từ nhà nước vẫn chưa đến được với doanh nghiệp. cũng là một vấn đề đáng lưu ý của hoạt động áp dụng thực hiện ISO 14001 tại Việt Nam.



- Đối với các tiêu chuẩn về vệ sinh an toàn thực phẩm:

Trong những năm qua, công tác bảo đảm ATTP được đánh giá là đã có nhiều tiến bộ. Việc Nhà nước ban hành Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và Luật An toàn thực phẩm đã nâng cao vai trò quản lý nhà nước từ Trung ương đến địa phương. Công tác quản lý nhà nước về ATTP được chú trọng hơn; kiến thức, sự hiểu biết của người dân về vấn đề bảo đảm sức khỏe cũng được nâng lên. Các nhà sản xuất, kinh doanh cũng hiểu rõ hơn trách nhiệm của mình trong việc tuân thủ các điều kiện bảo đảm ATTP đối với sản phẩm làm ra. Đối với hàng xuất khẩu, nhiều sản phẩm xuất sang thị trường Nhật Bản đã đảm bảo tiêu chuẩn an toàn vệ sinh thực phẩm: thủy, hải sản đông lạnh, hoa quả, rau củ...

Tuy vậy, khâu tổ chức thực hiện bảo đảm ATTP còn nhiều hạn chế. Một số địa phương chưa quan tâm và thiếu tập trung trong quản lý ATTP. Một bộ phận cán bộ, công chức nhận thức chưa đầy đủ về trách nhiệm quản lý ATTP. Ngoài ra, việc ban hành các văn bản dưới luật, nhất là thông tư hướng dẫn thi hành luật trong những năm đầu còn chậm, chưa có cơ chế tài chính phù hợp giải quyết kinh phí. Chế tài xử lý vi phạm chưa đủ sức răn đe, ngăn ngừa vi phạm. Đặc biệt ở cấp địa phương, các tổ chức, đoàn thể chính trị - xã hội, công luận và người dân chưa phát huy được vai trò tham gia giám sát nhằm bảo đảm an toàn thực phẩm và đấu tranh với các hành vi vi phạm. Các công tác truyền thông về thực

phẩm an toàn và không an toàn còn hạn chế, chưa sâu sát đến được các hội viên, đoàn viên, cá nhân, các hộ sản xuất kinh doanh nhỏ lẻ, trang trại. Bên cạnh đó, còn nhiều cơ sở chưa đáp ứng yêu cầu quy chuẩn kỹ thuật về bảo đảm vệ sinh ATTP trong các khâu sản xuất ban đầu như trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản đến khâu bảo quản, sơ chế, chế biến.

Bảng 2 cho thấy, chỉ riêng trong năm 2014, có 97 vụ liên quan đến hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Nhật Bản không đáp ứng tiêu chuẩn và đã bị trả về hoặc hủy tại chỗ, hoặc không dùng làm thức ăn cho người. Một số sản phẩm, đặc biệt là thủy sản xuất khẩu của Việt Nam từ chỗ bị kiểm tra một phần đã bị kiểm tra toàn bộ về chất lượng an toàn thực phẩm đối với hàng xuất vào thị trường Nhật Bản.

#### 4. Giải pháp để Việt Nam đẩy lùi thách thức từ hàng rào kỹ thuật của Nhật Bản

Như đã phân tích ở trên, các biện pháp kỹ thuật Nhật Bản hiện nay áp dụng tuân thủ Hiệp định TBT của WTO, trong đó nhấn mạnh yêu cầu "hài

**Bảng 2:** Những vi phạm của hàng xuất khẩu Việt Nam sang Nhật Bản, 2014

Nội dung vi phạm	Sản phẩm	Lý do	Số vụ	
Các chất độc hại nguy hiểm và vi sinh vật gây hại	Sắn	Cyanua	3	
Vi khuẩn	Thủy hải sản đông lạnh dùng làm nguyên liệu chế biến	Nhiễm khuẩn Ecoli, vi khuẩn	22	
Tồn dư hóa chất	Tôm	Trifluralin		
Chất phụ gia	Tôm chế biến	sodium benzoate, Potassium sorbate	9	
	Rau quả chế biến	Benzoic acid, Sorbic acid		
	Thực phẩm chức năng	Confectionery Cyclamic acid		
	Nước tương	Methyl parahydroxybenzoate		
	Mỳ ăn liền	Benzoic acid		
Dư lượng thuốc thú y	Tôm, mực, cá rô phi	Cyclamic acid Seasonings Cyclamic acid	Vượt quá quy định về Ethoxyquin, Enrofloxacin, Chloramphenicol, Furazolidone	59
Lý do khác	Gạo	Hồng, nhiễm bẩn, nấm mốc	4	

Nguồn: Nguyen Anh Thu & Dang Thanh Phuong, 2014

hòa hòa” các biện pháp kỹ thuật giữa các nước theo hướng: khuyến khích các nước thành viên tham gia vào quá trình hài hòa hóa các tiêu chuẩn và sử dụng các tiêu chuẩn đã được chấp thuận chung làm cơ sở cho các biện pháp kỹ thuật nội địa. Do vậy, để đẩy lùi các thách thức đến từ hàng rào kỹ thuật của Nhật Bản, chúng ta cần áp dụng đồng bộ các các giải pháp vĩ mô và vi mô, cụ thể như sau:

- *Rà soát, đồng bộ hóa tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế*

Việc rà soát để hoàn thiện hệ thống luật, hướng tới mục tiêu điều chỉnh luật của Việt Nam hòa hợp với phạm vi của WTO là hết sức cần thiết. Trong tình hình mới, khi nhiều nước phát triển có xu hướng áp dụng hàng rào kỹ thuật thì hệ thống pháp luật Việt Nam cũng cần có những điều chỉnh đối với các luật có liên quan như luật tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật, luật chất lượng hàng hóa, luật bảo vệ môi trường,...

Ví dụ, ở Việt Nam, luật bảo vệ môi trường có hiệu lực từ năm 2006, tuy nhiên, các quy định về môi trường thường liên quan đến nhiều ngành nghề, những quy định riêng đối với các ngành nghề cụ thể còn nhiều hạn chế. Luật cần phải được sửa đổi bổ sung, quy định cụ thể hơn tiêu chuẩn môi trường với các chỉ số chuyên môn rõ ràng, đi kèm với các văn bản dưới luật hoặc các thông tư nghị định nhằm mục tiêu hạn chế và phòng ngừa tối đa những ảnh hưởng xấu từ môi trường.

Việc xây dựng quy trình cấp nhãn sinh thái, nhãn hàng hóa cũng hết sức cần thiết, điều đó tạo thuận lợi cho doanh nghiệp có thể dễ dàng, nhanh chóng làm thủ tục cho sản phẩm của mình. Nhãn sinh thái sẽ giúp đẩy nhanh quá trình lưu thông hàng hóa, tạo dựng hình ảnh tốt của doanh nghiệp đối với người tiêu dùng. Theo kết quả điều tra khảo sát của ISO, tính đến tháng 12/2009, toàn thế giới có ít nhất 223.149 tổ chức/doanh nghiệp đã được cấp chứng chỉ ISO 14001. Tiêu chuẩn này đã được phổ biến, áp dụng thành công tại nhiều quốc gia với mức phát triển và đặc trưng văn hóa khác nhau là vì ISO 14001 quy định yêu cầu đối với thiết lập một hệ thống để quản lý các vấn đề về môi trường của tổ chức, doanh nghiệp nhưng cho phép linh hoạt cách thức đáp ứng. Nhà nước nên có những bộ phận, cơ quan chuyên trách hướng dẫn và giúp

đỡ doanh nghiệp tại Việt Nam, kể cả các doanh nghiệp vừa và nhỏ có thể tìm được cách thức riêng trong việc xác định mục tiêu môi trường cần cải tiến và kế hoạch cần thực hiện để đáp ứng các yêu cầu của hệ thống quản lý môi trường.

Thị trường Nhật Bản phong phú về nhu cầu, có nhiều tiềm năng phát triển cho nhiều mặt hàng. Tuy nhiên, đây cũng là thị trường có các biện pháp kỹ thuật hết sức khắt khe và kiểm soát chặt chẽ hàng hóa nhập khẩu bằng nhiều hình thức khác nhau. Muốn thâm nhập được vào thị trường, vượt qua hàng rào kỹ thuật, Việt Nam phải có một hệ thống tiêu chuẩn quốc gia hoàn thiện, đồng bộ. Hiện nay, xu hướng chung là thống nhất hệ thống tiêu chuẩn kỹ thuật với nhiều nước trong khu vực và tìm ra hệ thống được tín nhiệm cao trên thế giới. Hiện nay, số lượng tiêu chuẩn quốc gia Việt Nam có hơn 7.000 tiêu chuẩn, tuy nhiên số lượng các tiêu chuẩn hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế còn chưa cao, chúng tỏ nền kinh tế chưa thực sự hội nhập để phù hợp hơn với những quy định về kỹ thuật ở các quốc gia.

- *Phổ biến rộng rãi, cập nhật thông tin về các tiêu chuẩn kỹ thuật của thị trường Nhật Bản*

Tại Việt Nam, văn phòng TBT được thành lập năm 2003 và là cơ quan trực tiếp chuyên trách về các tiêu chuẩn kỹ thuật của thị trường xuất khẩu. Các văn bản về tiêu chuẩn kỹ thuật, quy trình đánh giá, những thông báo TBT của Ban Thư ký WTO sẽ được phổ biến đến các cơ quan liên quan, các hiệp hội doanh nghiệp và thông qua các phương tiện thông tin để tuyên truyền tới người dân. Các văn phòng TBT địa phương có nhiệm vụ cung cấp thông tin tới doanh nghiệp, kiểm tra tình hình thực tế doanh nghiệp, giải đáp những vướng mắc của doanh nghiệp về thị trường, thủ tục nhập khẩu hay các quy định cụ thể liên quan đến hàng hóa xuất khẩu. Thực tế, các điểm TBT địa phương chưa phát huy được hết khả năng và còn chưa có định hướng hoạt động hiệu quả. Việc thường xuyên cập nhật thông tin, những thay đổi trong luật pháp, thủ tục cũng như những điểm mới về hàng rào kỹ thuật của các thị trường xuất, trong đó có thị trường Nhật Bản là hết sức cần thiết. Mạng lưới TBT cũng nên phối hợp với các bộ ban ngành liên quan để tổ chức các buổi hội thảo giới thiệu và cùng đưa giải pháp cho những thay đổi trong tiêu chuẩn kỹ thuật được các nước nhập



khẩu áp dụng, trong đó có Nhật Bản. Văn phòng TBT chính là đại diện của Chính phủ để giải quyết những vấn đề liên quan đến hàng rào kỹ thuật. Do đó, ngoài việc đưa ra các văn bản luật, những quy định liên quan, văn phòng TBT phải là cầu nối trực tiếp lắng nghe những khó khăn và cùng doanh nghiệp tháo gỡ vướng mắc.

*- Nâng cao chất lượng sản phẩm*

Do Việt Nam chưa có quy chế bắt buộc áp dụng JIS, JAS cho các sản phẩm của mình. Thay vào đó, hệ thống chất lượng theo TCVN được hầu hết các doanh nghiệp Việt Nam áp dụng. Vì vậy, để hàng Việt Nam nâng cao khả năng xuất khẩu sang các thị trường ngoài nước đặc biệt là thị trường khó tính như Nhật Bản, Việt Nam cần hài hòa các tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) cho phù hợp với yêu cầu ngày càng cao của thị trường quốc tế. Ngoài ra, cần phải đẩy mạnh công tác kiểm tra, thẩm định chất lượng hàng hóa để đảm bảo không vi phạm các yêu cầu đối với hàng xuất khẩu là hết sức cần thiết, từ đó hàng Việt Nam khi xuất khẩu sang các thị trường khác sẽ cạnh tranh hơn và có uy tín hơn tại thị trường nhập khẩu. Đối với thị trường khó tính Nhật Bản, chúng ta nên tuyên truyền, quảng bá nhiều hơn nữa về các tiêu chuẩn JIS, JAS cho các doanh nghiệp trong nước. Từ đó, doanh nghiệp Việt Nam có thể tự nâng cao chất lượng sản phẩm sao cho phù hợp với yêu cầu của thị trường Nhật Bản.

*- Xây dựng các tiêu chuẩn Việt Nam về môi trường phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế*

Để đẩy mạnh việc xây dựng và áp dụng các tiêu chuẩn về môi trường, đảm bảo tính hệ thống và đồng bộ, hệ thống tiêu chuẩn về bảo vệ môi trường của nước ta cần phải được hoàn thiện theo các hướng như: bổ sung các tiêu chuẩn về chất lượng đất, nước, các tiêu chuẩn về xả thải... Chính phủ cần phải xây dựng các tiêu chuẩn về phương pháp đánh bắt, khai thác nguồn lợi sinh vật, thủy hải sản, sử dụng đất, nhằm đảm bảo cân bằng sinh thái, chống suy thoái môi trường. Các tiêu chuẩn cho sản phẩm, quá trình phải được bổ sung nhằm khuyến khích việc sử dụng các sản phẩm này như các tiêu chuẩn xăng không pha chì, các thiết bị làm lạnh hay điều hoà không khí không sử dụng các chất có thể gây tác hại cho tầng ô zôn...

Nhà nước cần tuyên truyền, quảng bá để các doanh nghiệp Việt Nam thấy được sức ép của vấn

đề môi trường đến kinh doanh và lợi ích của doanh nghiệp, thường xuyên đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ làm công tác xuất nhập khẩu ở các doanh nghiệp về Ecomark và ISO 14001 để họ hiểu đúng, hiểu rõ hơn tầm quan trọng của yếu tố môi trường trong chất lượng hàng hóa xuất khẩu. Ngoài ra, các cơ quan chức năng cần tăng cường việc phổ biến, hướng dẫn áp dụng tiêu chuẩn, tuyên truyền, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh xuất khẩu, đồng thời cần dựa vào các tiêu chuẩn để đánh giá tác động môi trường, đẩy mạnh việc kiểm tra, xử lý các vi phạm.

*- Bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm đối với hàng xuất khẩu*

Do hiện nay khâu tổ chức thực hiện bảo đảm ATTP còn nhiều hạn chế. Một số địa phương chưa quan tâm và thiếu tập trung trong quản lý ATTP, chậm phát hiện và không kịp thời xử lý các vụ việc vi phạm ngay trên địa bàn mình quản lý. Do vậy, chúng ta phải có hệ thống tổ chức chuyên trách về ATTP tới các quận, huyện, xã, phường, địa phương. Ngoài ra, việc đầu tư về nhân lực và vật lực cho công tác quản lý về ATTP không chỉ đối với hàng tiêu thụ nội địa mà với hàng xuất khẩu càng phải được chú trọng. Cán bộ chuyên trách hiện tại của Việt Nam vẫn còn thiếu về số lượng và yếu về chuyên môn. So với một số nước trong khu vực, kinh phí đầu tư cho lĩnh vực ATTP của Việt Nam vẫn còn khiêm tốn, ví dụ so với Thái Lan chỉ bằng 1/20. So với Trung Quốc, chỉ tính riêng Bắc Kinh đã có tới 12.000 thanh tra chuyên ngành về an toàn thực phẩm, trong khi cả nước ta chỉ có hơn 1.000 cán bộ quản lý về an toàn thực phẩm. Việc thẩm tra, kiểm định chất lượng hàng xuất khẩu là hết sức cần thiết nhằm kịp thời phát hiện các sản phẩm không đạt yêu cầu, gây mất uy tín đối với đối tác nhập khẩu. Hệ thống kiểm nghiệm cũng cần được nâng cấp vì kết quả đưa ra không chính xác thì sẽ rất nguy hiểm, không thể phục vụ được cho công tác quản lý.

Đối với thị trường Nhật Bản, các doanh nghiệp xuất khẩu sang thị trường này cần phải nắm rõ các yêu cầu về vệ sinh, an toàn của nước bạn. Ngoài ra, các doanh nghiệp Việt Nam có thể hợp tác với các doanh nghiệp Nhật Bản sản xuất các hàng hóa ở Việt Nam đảm bảo vệ sinh an toàn, vệ sinh thực phẩm từ khâu nuôi trồng đến khâu xuất khẩu.

### Kết luận

Trong những năm qua, Nhật Bản luôn là đối tác thương mại quan trọng hàng đầu của Việt Nam. Kim ngạch thương mại song phương ngày càng gia tăng, Việt Nam và Nhật Bản đã cùng tham gia ký kết nhiều Hiệp định thương mại, trong đó cam kết thuế quan được cắt giảm theo lộ trình. Trong xu thế các hàng rào thuế quan đang từng bước được dỡ bỏ, việc áp dụng các biện pháp bảo hộ thông qua việc thắt chặt các tiêu chuẩn về kỹ thuật ngày càng được các nước phát triển, trong đó có Nhật Bản áp dụng. Trong bối cảnh đó, việc phân tích các biện pháp kỹ thuật thương mại đang được áp dụng tại Nhật Bản là hết sức cần thiết. Các biện pháp kỹ thuật thương mại của Nhật Bản rất phong phú, trong đó những biện pháp quan trọng nhất bao gồm những tiêu chuẩn về chất lượng, về môi trường và vệ sinh an toàn thực phẩm. Các biện pháp này cũng đặt ra những thách thức không nhỏ cho hàng xuất khẩu của Việt Nam. Để có thể tận dụng các cơ hội và đẩy lùi thách thức, Việt Nam nên có những giải pháp đồng bộ ở cả cấp vĩ mô và vi mô như: rà soát, đồng bộ hóa tiêu chuẩn quốc gia với tiêu chuẩn quốc tế; phổ biến rộng rãi, cập nhật thông tin về các tiêu chuẩn kỹ thuật của thị trường Nhật Bản; nâng cao chất lượng sản phẩm; tăng cường công tác kiểm tra giám sát, đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm cho những sản phẩm xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản. Đây là những giải pháp trước mắt cũng như lâu dài nhằm đẩy lùi thách thức, góp phần thúc đẩy xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản. ♦

### Tài liệu tham khảo:

1. Anh Quân, 2017, *Doanh nghiệp và môi trường, nhìn từ góc độ ISO: 14001*, <http://vneconomy.vn/>, truy cập ngày 15/11/2017.
2. Hương Thu, 2017, *VCCI hỗ trợ doanh nghiệp hướng đến sự phát triển bền vững*, Báo Diễn đàn doanh nghiệp, 2017.

3. *Japan Industrial Standards Committee*, 2017, Japan - Trade Standards.

4. JISC, 2016, *Japans standardization Policy 2016*, <http://www.jisc.go.jp/>, truy cập ngày 5/12/2017.

5. Magnuson B, 2013, *Review of the regulation and safety assessment of food substances in various countries and jurisdictions*, US National Library of Medicine.

6. Nguyen Anh Thu & Dang Thanh Phuong, 2014, *Study on SPS and TBT faced by Vietnamese exporters in majors export market*, MUTRAP EU-Vietnam.

7. Tuyết Nhung, 2006, *Các doanh nghiệp xuất khẩu tôm và mực Việt Nam vấn vi phạm Luật An toàn Vệ sinh Thực phẩm Nhật Bản*, Báo Tuổi trẻ.

8. VCCI, 2017, *Hiệp định về các hàng rào kỹ thuật đối với thương mại*, <http://www.trungtamwto.vn/>, truy cập ngày 15/11/2017.

9. VCCI, 2017, *Kim ngạch thương mại Việt Nam - Nhật Bản tiếp tục tăng*, [http://www.trungtamwto.vn](http://www.trungtamwto.vn/), truy cập ngày 16/12/2016.

10. WTO E-Learning, 2012, *Technical Barriers to Trade in the WTO*.

### Summary

Since Japan and Vietnam established diplomatic relations, Japan has become one of Vietnam's leading trading partners. In the context of trade integration and liberalization, tariff barriers are increasingly being cut along the roadmap. Instead, technical barriers (TBTs) are becoming more and more widely adopted by many developed countries, including Japan. This paper aims to study the system of technical barriers in Japanese commerce, analyze Vietnam's ability to meet those technical barriers and propose some solutions to overcome the challenges, and enhance the penetration into Japanese market.